

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 24-8-2017
V/v tranh chấp: “Ly hôn; nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thuý Thành**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Ngoan**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn; nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thuý T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn L, huyện , tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn L, huyện , tỉnh Lâm Đồng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2017 của nguyên đơn bà Phạm Thị Thuý T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Lê Văn C quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 02 năm thì quyết định đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/9/1998 tại UBND xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thua lỗ, sau đó ông C lâm vào chơi cờ bạc, rượu chè, bỏ bê không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng ông C có đánh đập Bà T nhưng bà không báo cáo với chính quyền địa phương, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Trước đây Bà T đã làm đơn xin ly hôn với ông C đã được Toà án thụ lý giải quyết nhưng bà suy nghĩ vì con nên bà đã rút đơn lại để vợ chồng đoàn tụ chăm sóc, giáo dục con cái và Toà án đã đình chỉ vụ án. Nhưng rồi tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 4/2017 đến nay, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai, không làm ăn kinh tế chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên Bà T xin được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà T trình bày: bà và ông C có 03 người con chung là Lê Thị Tiểu Y , sinh ngày 09/3/1999; Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Y , cháu Ngọc và Lê Tiểu M và đang sinh sống tại tổ 6, thị trấn L, huyện Bảo Lâm. Nay vợ chồng ly hôn, Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện tại bà buôn bán, thu nhập ổn định khoảng 10.000.0000 đồng/tháng nên bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Y nay đã đủ 18 tuổi nếu cháu Y thích ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T trình bày: để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T trình bày: vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như phần trình bày của bà T . Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không cùng quan điểm nên thường hay cãi nhau, ông cũng thường hay làm những việc có lỗi với vợ, ông nhiều lần xin được tha thứ nhưng Bà T không chấp nhận. Nay Bà T xin được ly hôn, ông chấp nhận.

- Về con chung: Ông C trình bày: ông và Bà T có 03 người con chung là Lê Thị Tiểu Y , sinh ngày 09/3/1999; Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012. Nay vợ chồng ly hôn thì để các con tự quyết định lựa

chọn, ông đề nghị giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Ông C trình bày: để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông C trình bày: vợ chồng không có nợ chung.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 14/7/2017 nhưng không được vì lý do ông C vắng mặt.

Sau đó Bà T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiếp tục tiến hành hoà giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Bà T và ông C được ly hôn; Về con chung: đề nghị giao cho Bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M, sinh ngày 30/6/2012. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Lê Thị Tiểu Y, sinh ngày 09/3/1999 nay đã đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung: Bà T và ông C tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung: Bà T và ông C đều trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn C đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thuỳ T và ông Lê Văn C quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 02 năm thì quyết định đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/9/1998 tại UBND xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Ông C thừa nhận ông hay làm những việc có lỗi với vợ và xin được tha thứ nhưng Bà T không chấp nhận nên Bà T xin được ly hôn, ông đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thuỳ T và ông Lê Văn C.

[2] Về con chung: Bà T và ông C có 03 người con chung là Lê Thị Tiểu Y , sinh ngày 09/3/1999; Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Y , cháu Ngọc và Lê Tiểu M và đang sinh sống tại tổ 6, thị trấn L, huyện Bảo Lâm. Nay vợ chồng ly hôn, Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung, vì hiện tại bà buôn bán, có thu nhập ổn định khoảng 10.000.0000 đồng/tháng, còn đối với cháu Y nay đã đủ 18 tuổi nếu cháu Y thích ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu Toà án giải quyết, còn ông C trình bày để các con tự quyết định lựa chọn. Xét yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của Bà T thấy rằng: từ khi Bà T và ông C sống ly thân cho đến nay các con chung do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Xét nguyện vọng của cháu Lê Tiểu N được sống với mẹ, còn hiện tại cháu Lê Tiểu M còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của các con chung cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M , sinh ngày 30/6/2012 cho Bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là cần thiết và đúng pháp luật. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với cháu Y nay đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C đều trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà T xin ly hôn nên cần buộc Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu về việc “Ly hôn; nuôi con chung” của bà Phạm Thị Thuỳ T. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thuỳ T và ông Lê Văn C

2. Về con chung: Xử giao con chung là Lê Tiểu N, sinh ngày 05/11/2002 và Lê Tiểu M, sinh ngày 30/6/2012 cho bà Phạm Thị Thuỳ T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với cháu Y nay đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Thuỳ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004644 ngày 27/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Quảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên